

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 13 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Trọng Thảo.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (Tên gọi khác: B T); Sinh năm 1997, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974, hiện đang sinh sống tại: Thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Có 02 tiền án; Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam. (Bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: **Võ Chí C**; sinh năm 1987, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở : Không ổn định

Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Công T, sinh năm 1959 và con bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1963, hiện đang sinh sống tại: Xóm C, xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Có 03 tiền án; Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam. (Bị cáo có mặt).

Người bị hại: Ông **Lương Tấn T**

Trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 22/9/2017, tại tổ dân phố Đ, thị trấn E, huyện E. Nguyễn Văn T rủ Võ Chí C đi trộm cắp tài sản thì được C đồng ý, Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô không có biển kiểm soát chở C đi xung quanh khu vực thị trấn xem gia đình nào sơ hở thì trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà anh Lương Tấn T, ở đường T, thị trấn E thì Võ Chí C phát hiện ở mép hàng rào trước cửa nhà anh Lương Tấn T, có một chiếc xe kéo thô sơ, xe được làm bằng khung sắt, có hai bánh hơi dạng bánh xe mô tô. Lúc này, C bảo Nguyễn Văn T dừng xe lại, C đi vào kéo xe ra ngoài đường nơi Nguyễn Văn T đang dừng xe máy chờ sẵn. Sau đó, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô chở C ngồi sau kéo xe vừa trộm được đi xuống hồ câu của ông Chu Trọng T thuộc thôn H, xã C cất dấu xe kéo ở dưới hồ.

Tại kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Giá trị của 01 chiếc xe kéo thô sơ, xe được làm bằng khung sắt, có hai bánh hơi dạng bánh, xe mô tô trị giá là 3.000.000đồng.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã tiến hành truy tìm vật chứng 01 chiếc xe kéo thô sơ, xe được làm bằng khung sắt, có hai bánh hơi dạng bánh xe mô tô tại hồ câu của ông Chu Trọng T thuộc thôn H, xã C, huyện Ea Súp nhưng không tìm thấy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện liên lạc với Võ Chí C rủ đi trộm cắp tài sản: Nguyễn Văn T khai sau khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại bị hư hỏng và Nguyễn Văn T đã vứt đi, không nhớ vứt ở đâu nên không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô, không có biển kiểm soát mà Nguyễn Văn T chở Võ Chí C đi trộm cắp: Nguyễn Văn T khai sau khi trộm cắp tài sản, Nguyễn Văn T đã bán xe mô tô cho một người không quen biết với giá 1.000.000đồng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp không thu giữ được.

Bản Cáo trạng số: 05/KSĐT - HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Chí C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Chí C khai nhận toàn bộ hành vi đúng như trong quá trình điều tra, nội dung bản Cáo trạng và nội dung tóm tắt đã nêu trên.

Tại phiên tòa người bị hại anh Lương Tấn T khai: Sự việc bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Chí C trộm cắp tài sản của gia đình anh và tài sản anh bị mất như lời trình bày của các bị cáo là đúng. Em trai bị cáo C là anh Võ Công M đã tự nguyện bồi thường cho anh Tường số tiền 3.000.000 đồng. Nên tại phiên Tòa anh không

yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Về trách nhiệm hình sự anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Anh Võ Công M trình bày: Bị cáo C đã tác động anh bồi thường cho anh Lương Tấn T số tiền 3.000.000đồng, đối với số tiền này anh M không yêu cầu bị cáo C phải trả lại cho anh M.

Bị cáo C trình bày: Đối với số tiền 3.000.000đồng đã bồi thường cho anh Lương Tấn T thì bị cáo không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho bị cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Chí C tại bản cáo trạng số: 05/KSĐT - HS ngày 30 tháng 01 năm 2018. Đồng thời đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Chí C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p, g khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Võ Chí C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+Về vật chứng vụ án: Do vật chứng của vụ án không thu giữ được nên không đặt ra để giải quyết.

Cần truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đồng mà bị cáo Nguyễn Văn T bán 01 xe mô tô không biển kiểm soát là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 1.000.000đồng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận 3.000.000đồng tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên không đặt ra để giải quyết

Các bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Chí C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ, ngày 22/9/2017 tại đường T, tổ dân phố Đ, thị trấn E, huyện E Nguyễn Văn T và Võ Chí C có hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe kéo thô sơ, xe được làm bằng khung sắt, có hai bánh hơi dạng xe mô tô của anh Lương Tấn T. Giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 3.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T 02 tiền án: Ngày 25/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Ngày 24/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử tuyên phạt chung phải chấp hành là 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với bị cáo Võ Chí C có 03 tiền án: Ngày 07/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 23/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Ngày 04/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp tuyên phạt chung phải chấp hành là 03 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Các bị cáo đã chấp hành xong các hình phạt của các bản án trên nhưng chưa được xóa án tích. Đến ngày 22/9/2017 các tiếp tục phạm tội vì vậy các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 138 BLHS năm 1999 quy định.

1/ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

.....

c) Tái phạm nguy hiểm;

.....

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không phân công vai trò cụ thể của từng người; Bị cáo Nguyễn Văn T với vai trò là người rủ rê, khởi xướng và là người thực hành; bị cáo Võ Chí C vai trò là người thực hành.

[3] Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp

luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an trong khu vực nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra. Các bị cáo có nhiều tiền án cũng với hành vi chiếm đoạt tài sản, các bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội điều này thể hiện các bị cáo coi thường các hình phạt trước đó của Tòa án chưa đủ nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt thực sự nghiêm để bị cáo thức tỉnh, giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân các bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội gây thiệt hại không lớn; Bị cáo Nguyễn Văn T có ông nội, bà nội là người có công với cách mạng, tại phiên Tòa được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo Võ Chí C: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội gây thiệt hại không lớn đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000đồng và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt, để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Xét đề nghị của Đại diện VKS nhân dân huyện Ea Súp về tội danh, hình phạt đối với bị cáo, về các biện pháp tư pháp là có cơ sở.

[6] Các bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Chí C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về Điều luật và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; các điểm b, g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: **Võ Chí C:** 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/10/2017.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; các điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Văn T:** 02 năm (Hai) 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/10/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ **Về xử lý vật chứng:** Vật chứng của vụ án không thu giữ được nên không đặt ra để giải quyết.

Cần truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn T bán 01 xe mô tô không biển kiểm soát là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 1.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ **Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại, bị cáo Võ Chí C không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Võ Chí C và bị cáo Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thành Huế